

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/LĐ-ST

Ngày: 23/9/2020.

*(Về việc: Tranh chấp lao
động về bảo hiểm)*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Phong Lan.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Huy Luận.
2. Bà Lê Thị Kiều Thu.
- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Hà - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận - Kiểm sát viên.

Vào lúc 14 giờ, ngày 23 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số 15/2020/TLST- LĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp lao động “*Về bảo hiểm xã hội, về bảo hiểm y tế, về bảo hiểm thất nghiệp, về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 319/2020/QĐST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 430/2020/QĐST-LĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Trương Thị A, sinh năm 1985

Nơi cư trú: khu phố B, phường C, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

*** Bị đơn:** Công ty TNHH D

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kim Sang E – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Kim Sang E tham gia tố tụng: Ông Trần Huy F, chức vụ: Quản lý và ông Huỳnh Hữu G, chức vụ: kế toán trưởng (theo giấy ủy quyền ngày 23/9/2020).

Địa chỉ trụ sở: khu phố H, phường I, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Thuận

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Xuân J – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông J tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn J – Chức vụ: Trưởng phòng quản lý thu (theo giấy ủy quyền số 794/BHXXH-TCCB ngày 09/6/2020).

Địa chỉ trụ sở: Khu dân cư K, phường L, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Trương Thị A trình bày:*

Trước đây bà làm việc cho Công ty TNHH D, công việc nhân viên sân vườn từ năm 2013, đến tháng 3 năm 2014 bà mới đóng bảo hiểm, đến ngày 09 tháng 10 năm 2019 bà nghỉ việc, công ty có ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với bà số 01-10-19/ML-QĐNV ngày 09/10/2019. Công ty đã thanh toán cho bà tiền lương đầy đủ, chỉ chưa đóng các loại tiền bảo hiểm để chốt sổ bảo hiểm cho bà, bà đã nhiều lần yêu cầu nhưng công ty không thực hiện. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH D phải đóng các loại BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN để chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà theo như ý kiến của BHXH tỉnh Bình Thuận. Đối với bồi thường thất nghiệp bà xin rút không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Huy F trình bày:*

Bà Trương Thị A là người lao động của Công ty TNHH D, đến ngày 09 tháng 10 năm 2019 bà nghỉ việc, công ty có ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với bà số 01-10-19/ML-QĐNV ngày 09/10/2019. Bà yêu cầu Công ty phải đóng tiền BHXH và chốt sổ BHXH, ông sẽ trao đổi với Công ty và có ý kiến sau.

Về bản tự khai, bản ghi quá trình đóng BHXH, bảng tính tiền BHXH công ty phải đóng cho bà A, cho BHXH tỉnh Bình Thuận và tiền lãi chậm đóng đã nộp cho Tòa án, ông đã xem và thống nhất với số tiền phải đóng vào quỹ tạm tính để chốt sổ BHXH và số tiền lãi phát sinh do chậm đóng theo qui định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện bị đơn ông F và ông G thống nhất công ty chưa đóng các loại bảo hiểm cho bà A như đại diện Bảo hiểm xã hội trình bày, tuy nhiên hai ông không có quyền quyết định, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Theo bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Thuận ông Nguyễn Văn J trình bày:*

Căn cứ dữ liệu quản lý thu BHXH của doanh nghiệp, thông tin về quá trình đóng bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ-BNN) của bà Trương Thị A như sau:

1. Quá trình đóng BHXH, BHTN tại Công ty TNHH D (mã đơn vị YNXXX7Z) địa chỉ khu phố H, phường I, thành phố Phan Thiết như sau:

- Thời gian đóng Bảo hiểm xã hội vào quỹ hưu trí, tử tuất đến tháng 9/2019 là 05 năm 06 tháng (từ tháng 3/2014 đến tháng 9/2019);

- Thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp đến tháng 9/2019 là 05 năm (từ tháng 3/2014 đến tháng 9/2019, trừ 06 tháng nghỉ hưởng chế độ thai sản, còn 05 năm).

2. Tổng số tiền BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN (bao gồm tiền lãi chậm đóng) Công ty TNHH D phải đóng để cơ quan BHXH xác nhận chốt sổ BHXH của bà Trương Thị A là 26.613.302 đồng. Trong đó:

- Số tiền chậm đóng từ tháng 11/2017 đến tháng 9/2019 là 21.903.125 đồng (trong đó BHXH: 20.371.250 đồng; BHYT: 919.125 đồng; BHTN: 490.200 đồng; BHTNLĐ-BNN: 122.550 đồng).

- Số tiền lãi chậm đóng tổng cộng là 4.714.177 đồng, trong đó: BHXH: 4.518.815 đồng (tính từ tháng 01/2018 đến hết tháng 9/2020); BHYT: 112.646 đồng (tính từ tháng 7/2019 đến hết tháng 9/2020); BHTN: 66.173 đồng (tính từ tháng 6/2019 đến hết tháng 9/2020); BHTNLĐ-BNN: 16.543 đồng (tính từ tháng 6/2019 đến hết tháng 9/2020). Và tiền lãi chậm đóng phát sinh tính từ tháng 10 năm 2020 cho đến ngày Công ty nộp xong các khoản nợ quỹ Bảo hiểm xã hội theo Luật bảo hiểm xã hội.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử, xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH D phải đóng các loại bảo hiểm xã hội và chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà Trương Thị A theo quy định của pháp luật. Đình chỉ yêu cầu về bồi thường bảo hiểm thất nghiệp của bà A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn Công ty TNHH D có trụ sở tại khu phố H, phường I, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Nguyên đơn bà Trương Thị A khởi kiện tranh chấp lao động về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, về bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế, về bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về việc làm, về bảo hiểm tai nạn lao động,

bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động với bị đơn Công ty TNHH D. Tranh chấp giữa hai bên đã được Phòng lao động thương binh và xã hội thành phố Phan Thiết hòa giải nhưng không thành, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 2 Điều 200, điểm d khoản 1 Điều 201 Bộ luật lao động, điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà A yêu cầu Công ty TNHH D phải đóng các loại tiền bảo hiểm vào quỹ bảo hiểm của Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Thuận, bao gồm: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động bệnh nghề nghiệp để chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà. Tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện bà cung cấp, gồm: Hợp đồng lao động giữa bà A và Công ty TNHH D ngày 02/4/2018, Biên bản hòa giải ngày 26/02/2020 và Công văn số 412/LĐT BXH ngày 20/3/2020 của Phòng lao động thương binh xã hội thành phố Phan Thiết, Công văn số 02/ML- 2020 ngày 06/4/2020 và Quyết định số 01-10-19/ML-QĐNV ngày 09/10/2019 của Công ty TNHH D về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà A, Sổ bảo hiểm xã hội của bà A.

Xét yêu cầu của bà A Hội đồng xét xử nhận thấy, bà A là người lao động làm việc cho Công ty TNHH D, đến ngày 09/10/2019 Công ty TNHH D ban hành Quyết định số 01-10-19/ML-QĐNV về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà A. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện bị đơn thừa nhận bà A là người lao động của công ty và công ty đã ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với bà A là đúng.

Xét thấy, Công ty TNHH D là người sử dụng lao động, hàng tháng công ty có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho người lao động và trích tiền đóng các bảo hiểm này từ tiền lương, tiền công của người lao động để nộp cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm theo quy định tại khoản 1 Điều 186 Bộ luật lao động năm 2012; khoản 2, 5 Điều 21 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 12, 13, 15 Luật bảo hiểm y tế; Điều 43, 44, điểm a,b khoản 1 Điều 57 Luật việc làm năm 2013.

Tại phiên tòa, người đại diện cho bị đơn thừa nhận có việc trích tiền lương của bà A để tham gia bảo hiểm xã hội đến thời điểm tháng 9 năm 2019. Như vậy, việc Công ty TNHH D đã trừ lương của bà A hàng tháng nhưng không trích nộp các loại tiền bảo hiểm cho bà A, không chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà A, trong khi bị đơn đã ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với bà A từ ngày 09/10/2019, là xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của bà A theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 47 Bộ luật lao động năm 2012 và khoản 5 Điều 21 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014.

Hơn nữa, tại Biên bản hòa giải ngày 26/02/2020 của Phòng Lao động thương binh xã hội thành phố Phan Thiết, ông Kim Sang E đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH D đồng ý nhận khoản nợ bảo hiểm xã hội, chưa chốt sổ bảo hiểm xã hội cho bà A, cam kết sẽ họp cổ đông công ty chậm nhất ngày 06/3/2020,

công ty có phương án giải quyết nợ bảo hiểm xã hội, chốt sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động khi nghỉ việc theo quy định, nhưng đến nay Công ty TNHH D vẫn không thực hiện theo cam kết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Thuận xác nhận Công ty TNHH D chậm đóng các loại tiền bảo hiểm cho bà A tổng cộng là 21.903.125đ (trong đó BHXH: 20.371.250 đồng; BHYT: 919.125 đồng; BHTN: 490.200 đồng; BHTNLĐ-BNN: 122.550 đồng). Và tổng cộng số tiền lãi chậm đóng về các loại bảo hiểm là 4.714.177đ (trong đó BHXH: 4.518.815đ; BHYT: 112.646đ; BHTN: 66.173đ; BHTNLĐ-BNN 16.543đ). Như vậy, tổng số tiền chậm đóng và tiền lãi chậm đóng Công ty TNHH D phải đóng vào quỹ để xác nhận chốt sổ BHXH cho bà Trương Thị A là 26.617.302 đồng. Xét ý kiến của Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Thuận là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật bảo hiểm xã hội (các hành vi bị nghiêm cấm chậm đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp) và khoản 3 Điều 122 Luật bảo hiểm xã hội (xử lý vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội). Do đó, Công ty TNHH D ngoài việc phải đóng đủ số tiền chậm đóng còn phải nộp số tiền lãi tương ứng với thời gian chậm đóng theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội.

Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A, buộc Công ty TNHH D phải đóng vào quỹ bảo hiểm của Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Thuận để xác nhận chốt sổ bảo hiểm cho bà A tổng cộng là 26.617.302 đồng (trong đó tiền bảo hiểm 21.903.125 đồng, tiền lãi là 4.714.177 đồng). Và tiền lãi phát sinh tính từ tháng 10 năm 2020 cho đến ngày Công ty TNHH D nộp xong các khoản nợ các loại bảo hiểm theo qui định của Luật bảo hiểm xã hội.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà A xin rút yêu cầu về bồi thường bảo hiểm thất nghiệp. Xét yêu cầu của bà A là hoàn toàn tự nguyện nên chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà A được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/Áp dụng:

- Điểm d khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 244; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 2, 3 Điều 47; khoản 1 Điều 186; khoản 2 Điều 200; điểm d khoản 1 Điều 201 Bộ luật lao động;
- Khoản 1, 3 Điều 2; khoản 8 Điều 18; khoản 2 Điều 17; khoản 1 Điều 19; khoản 2, 5 Điều 21; khoản 3 Điều 122 Luật Bảo hiểm xã hội;
- Điều 12, Điều 13, Điều 15, Điều 49 Luật Bảo hiểm y tế;

- Điều 43; Điều 44; điểm a, b khoản 1 Điều 57 Luật việc làm 2013.
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

2/Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị A.

- Buộc Công ty TNHH D phải nộp vào quỹ bảo hiểm của Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Thuận số tiền bảo hiểm của bà Trương Thị A là 26.617.302 đồng (*Hai mươi sáu triệu, sáu trăm mười bảy nghìn, ba trăm lẻ hai đồng, trong đó số tiền chậm đóng bảo hiểm 21.903.125 đồng, tiền lãi chậm đóng 4.714.177 đồng*). Và tiền lãi phát sinh tính từ tháng 10 năm 2020 cho đến ngày Công ty TNHH D nộp xong các khoản nợ các loại bảo hiểm theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội.

- Đình chỉ xét xử về yêu cầu bồi thường bảo hiểm thất nghiệp của bà Trương Thị A.

3/ Về án phí: Công ty TNHH D phải nộp 798.519 đồng án phí lao động sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Quyền kháng cáo nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/9/2020).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN

Võ Huy Luận

Lê Thị Kiều Thu

Phạm Phong Lan

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND Tp. Phan Thiết;*
- *Chi cục THADS Tp. Phan Thiết;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Phong Lan